

Số: /TB-TTYTKVTH
V/v thông báo cung cấp báo giá gói thầu: Mua
sắc Máy gây mê cho Trung tâm Y tế khu vực
Tân Hồng năm 2025

Tân Hồng, ngày tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán gói thầu, làm cơ sở tổ chức thực hiện đấu thầu cho gói thầu: Mua sắc Máy gây mê cho Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng.

Địa chỉ: Số 09, đường Trần Phú, ấp 3, xã Tân Hồng, Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DSCK1 Nguyễn Thị Như Cúc, Trưởng khoa Dược-VT, TBYT.

- Số điện thoại: 0917.171.331

Hoặc DsCK1 Lê Thị Hồng Hà (Phó khoa) - SĐT 0989842440

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư, TBYT.

Số 09, đường Trần Phú, ấp 3, xã Tân Hồng, Đồng Tháp

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ ngày 15 tháng 8 năm 2025 đến trước 15 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 120 ngày**, kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

(có phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Kho Khoa Dược – Vật tư, TBYT.

- Địa chỉ: Số 09, đường Trần Phú, ấp 3, xã Tân Hồng, Đồng Tháp.

Các thông tin khác: **mẫu báo giá đính kèm.**

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang muasamcong;
- Trang thông tin điện tử của đơn vị;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Lưu Thanh Tùng

PHỤ LỤC

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTYTKVTH, ngày 8/2025 của TTYT khu vực Tân Hồng)

ST T	Tên hàng hóa	Số lượng / Khối lượng	Đơn vị tính
1.	MÁY GÂY Mê Hàng mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 I. Cấu hình cung cấp: Máy gây mê - Máy chính kèm phụ kiện có thể tích hợp: + Bộ dây nguồn khí: 01 bộ + Cảm biến lưu lượng sử dụng nhiều lần: 02 chiếc + Bộ hấp thụ CO2 kèm bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ + Bình bốc hơi: 01 bình + Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc + Dây gây mê người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc + Bóng bóp người lớn: 01 chiếc Monitor theo dõi bệnh nhân Model: B105P Hãng sản xuất: GE Medical Systems Co., Ltd Xuất xứ: Trung Quốc - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 máy + Cáp đo và bộ đo ECG kèm điện cực: 01 bộ + Cáp đo và bộ phụ kiện đo SpO2: 01 bộ + Cáp đo và bộ bao đo huyết áp không xâm lấn NIBP: 01 bộ + Cáp đo và bộ phụ kiện đo nhiệt độ: 01 bộ - Khối đo nồng độ CO2 kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ + Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2: 01 bộ II. Chi tiết kỹ thuật: Máy gây mê Tính năng: - Sử dụng được cho bệnh nhân người lớn, trẻ em và sơ sinh - Màn hình cảm ứng kích thước ≥ 15 inch - Màn hình xoay độc lập với máy chính để điều chỉnh góc quan sát được	01	Máy

	- Màn hình hiển thị đồng thời được ≥ 03 đồ thị dạng sóng - Có van giới hạn áp lực điều chỉnh áp lực từ ≤ 1 tới ≥ 60 cmH₂O - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ thở máy $\leq 3.1L$ - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ bóng bóp $\leq 1.6L$ - Có đèn chiếu sáng ở khu vực làm việc, nút điều khiển. - Có khe cắm cho phép người dùng tự tháo lắp và chuyển đổi khối đo khí mê - Lưu lượng khí được hiển thị trên màn hình chính - Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của Oxy điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút - Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của khí nén (Air) điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút - Cảm biến lưu lượng công nghệ chênh áp, có thể hấp thụ tiết trùng được - Bình hấp thụ CO₂ có sức chứa trong phạm vi từ 1200 đến 1400 mL - Cổng thải khí mê thừa AGSS cắm được vào hệ thống thải khí trung tâm của bệnh viện - Lắp đồng thời được ≥ 02 bình bốc hơi. - Tổng dung tích thuốc mê chứa trong bình bốc hơi ≥ 300ml - Có chức năng kiểm tra rò rỉ khí của bình bốc hơi - Hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ có dải điều chỉnh từ 0 tới ≥ 8 L/phút. - Có hệ thống thoát khí phụ trợ tích hợp (ACGO) - Pin dự phòng dùng được ≥ 90 phút. - Xe đẩy tích hợp với máy chính có hệ thống phanh hãm Thông số kỹ thuật: ❖ Chức năng cài đặt: - Cấp O₂ nhanh từ ≤ 30 tới ≥ 70 L/phút - Dải lưu lượng bù từ ≤ 100 mL/phút tới ≥ 15 L/phút. - Dải hoạt động của van dòng chảy từ ≤ 1 tới ≥ 120 L/phút. - Có khả năng bù tự động thất thoát do nén tạo ra bởi bình hấp thụ CO₂ và bóng xếp. - Có chế độ kiểm soát bằng tay (Manual) - Có chế độ kiểm soát thể tích (VCV) có tính năng bù thể tích khí lưu thông - Có chế độ kiểm soát áp lực (PCV) - Có chế độ kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích (PCV-VG) - Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát thể tích (SIMV VC) - Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực (SIMV PC) - Có chế độ thở hỗ trợ áp lực PSV với dự phòng ngừng thở - Thể tích khí lưu thông Vt: ≤ 5 tới ≥ 1500 mL - Dải thông khí phút: ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút		
--	---	--	--

- Dải áp lực hít vào từ ≤ 5 tới ≥ 50 cmH₂O - Dải giới hạn áp lực từ ≤ 15 tới ≥ 100 cmH₂O - PEEP từ ≤ 5 tới ≥ 30 cmH₂O - Dải áp lực hỗ trợ từ ≤ 5 tới ≥ 40 cmH₂O - Tần số thở từ ≤ 5 đến ≥ 100 nhịp/phút đối với chế độ kiểm soát thể tích và kiểm soát áp lực - Tần số thở từ ≤ 2 tới ≥ 60 nhịp/phút đối với chế độ SIMV, PSV - Tỷ lệ I:E từ $\leq 1:2$ tới $\geq 2:1$ - Thời gian hít vào từ ≤ 0.2 tới ≥ 5 giây - Độ nhạy trigger dòng từ ≤ 0.2 tới ≥ 10 L/phút - Ngưỡng ngắt kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 70\%$ - Thời gian ngưng kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 50\%$ ❖ Thông số theo dõi: - Thông khí phút từ ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút - Thể tích khí lưu thông từ ≤ 1 tới ≥ 9000 ml - Theo dõi nồng độ % Oxy từ ≤ 5 tới ≥ 100 % - Áp lực từ ≤ -20 tới ≥ 100 cmH₂O ❖ Chức năng cảnh báo an toàn: - Thể tích thông khí thấp và cao - Thông khí phút (VE) thấp và cao - Báo động ngừng thở - Áp lực thấp và cao Monitor theo dõi bệnh nhân Tính năng: - Có thể theo dõi tối thiểu các thông số: Điện tim, nhịp thở, SpO₂, huyết áp không xâm lấn, nhiệt độ, CO₂. - Có tính năng hỗ trợ phân tích loạn nhịp dựa trên ≥ 3 đạo trình - Có thể hiển thị tối thiểu ≥ 4 kiểu giao diện màn hình - Máy có chế độ sử dụng ban đêm và có thể cài đặt được theo lịch trình tùy chọn - Máy có tối thiểu ≥ 2 điểm số cảnh báo sớm EWS - Máy phải có chức năng xem được dữ liệu của các monitor khác trong cùng hệ thống - Máy có thể kết nối trực tiếp với máy in laser - Máy có thể xuất file ra USB dưới định dạng PDF - Máy được thiết kế chống nước và bụi bẩn theo tiêu chuẩn tối thiểu IP22 Thông số kỹ thuật: ❖ Máy chính: - Tính năng đo điện tim ECG: + Có thể lắp được 3 hoặc 5 điện cực + Có ≥ 3 chế độ lọc nhiễu tín hiệu + Dải đo nhịp tim: từ ≤ 20 đến ≥ 300 nhịp/phút + Độ chính xác $\leq \pm 1$ nhịp/phút hoặc $\leq \pm 1\%$		
--	--	--

+ Có thể phát hiện tối thiểu ≥ 18 loại loạn nhịp + Dải phân tích ST: Từ ≤ -20 đến $\geq +20$ mm + Dải phóng đại: 0.5x, 1x, 2x và 4x + Có khả năng phát hiện máy tạo nhịp trong dải: ≤ 2 đến ≥ 650 mV + Độ rộng xung phát hiện máy tạo nhịp: ≤ 1 đến ≥ 2 ms - Tính năng đo nhịp thở: + Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 120 nhịp/phút + Độ chính xác: $\leq \pm 3$ nhịp/phút + Dải phóng đại: ≤ 1 tới ≥ 5 cm/Ohm - Tính năng đo nồng độ bão hòa oxy trong máu: + Dải đo độ bão hòa: ≤ 1 đến $\geq 100\%$ + Dải đo nhịp mạch: ≤ 40 đến ≥ 240 nhịp/phút + Dải đo chỉ số tưới máu: ≤ 1 đến ≥ 30 + Độ chính xác bão hoà: $\leq \pm 3\%$ + Độ chính xác nhịp mạch: $\leq \pm 3$ nhịp/phút - Tính năng đo huyết áp không xâm lấn NIBP: + Phương pháp đo: Dao động, xả áp theo bước. + Bao đo huyết áp sử dụng 2 ống bơm/đo riêng biệt + Có tính năng hỗ trợ đặt truyền tĩnh mạch trong khi đo NIBP + Chế độ đo tối thiểu: Tự động, thủ công + Dải đo: • Tâm thu: ○ Người lớn/trẻ em: ≤ 40 đến ≥ 280 mmHg ○ Sơ sinh: ≤ 40 đến ≥ 140 mmHg • Huyết áp trung bình: ○ Người lớn/trẻ em: ≤ 30 đến ≥ 250 mmHg ○ Sơ sinh: ≤ 30 đến ≥ 120 mmHg • Tâm trương: ○ Người lớn/trẻ em: ≤ 12 đến ≥ 210 mmHg ○ Sơ sinh: ≤ 15 đến ≥ 100 mmHg + Áp lực bơm mặc định: • Người lớn/trẻ em: ≤ 150 mmHg • Sơ sinh: ≤ 120 mmHg + Thời gian đo tối đa: • Người lớn/trẻ em: ≤ 130 giây • Sơ sinh: ≤ 90 giây + Độ chính xác NIBP: ≤ 10 mmHg + Sai số trung bình NIBP: $\leq \pm 5$ mmHg - Tính năng đo nhiệt độ: + Hiển thị ≥ 2 kênh nhiệt độ + Dải đo: ≤ 10 tới $\geq 40^{\circ}\text{C}$ + Độ chính xác: $\leq \pm 0.1^{\circ}\text{C}$ + Độ phân giải: $\leq 0.1^{\circ}\text{C}$ ❖ Khối theo dõi nồng độ CO₂:		
---	--	--

	- Tính năng theo dõi nồng độ CO₂: + Phương pháp đo: Dòng phụ + Dải đo: $\leq 0 - \geq 20\%$ thể tích khí hoặc $\leq 1 - \geq 150$ mmHg + Độ chính xác nồng độ CO₂ từ 0 - 20% thể tích khí: $\leq \pm (0.7\%$ thể tích khí + 2% giá trị đọc) + Dải đo nhịp thở: $\leq 5 - \geq 70$ nhịp/phút + Có thể tùy chỉnh được dải báo động cho EtCO₂ và FiCO₂ + Phải có báo động khi xảy ra sự cố kỹ thuật ❖ Pin sạc - Kiểu pin: Lithium-ion - Thời gian hoạt động: ≥ 2 giờ ❖ Chức năng lưu trữ: - Có thể lưu trữ dữ liệu xu hướng của bệnh nhân dưới dạng biểu đồ và dạng số liệu trong ≥ 160 giờ - Có khả năng xem lại ít nhất các thông số huyết động sau đây: ECG, SpO₂, nhịp thở. - Thời gian lưu trữ dữ liệu dạng sóng: ≥ 70 giờ - Có thể lưu trữ dữ liệu sóng theo lịch sử báo động - Có thể lưu trữ tối thiểu ≥ 200 ảnh chụp màn hình ❖ Chức năng điều khiển: - Kiểu màn hình: màn hình cảm ứng ❖ Chức năng hiển thị: - Màn hình kích thước: ≥ 10 inches. - Độ phân giải: $\geq 1280 \times 800$ pixels - Số dạng sóng hiển thị: ≥ 10 dạng sóng. - Máy có thể tự động điều chỉnh độ sáng màn hình tùy theo môi trường xung quanh ❖ Chức năng an toàn, cảnh báo an toàn: - Có ≥ 4 cấp độ báo động - Có thể hiển thị thông tin báo động trên màn hình máy chính. - Có thể tự động điều chỉnh giới hạn báo động - Có thể điều chỉnh báo động từ hệ thống trung tâm - Có báo động bằng đèn và âm thanh - Có chức năng tạm dừng báo động ❖ Khả năng kết nối: - Có cổng kết nối USB - Có trang bị sẵn giao thức HL7 để kết nối trực tiếp với bệnh án điện tử - Có thể kết nối dữ liệu tới hệ thống máy trung tâm - Có cổng truyền hình ảnh HDMI		
--	---	--	--

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế kh vực Tân Hồng, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá như sau:

1. Báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa); Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))